

Số: 1685/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 622/TTr-TNMT ngày 22/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vàng A Chiêu – Cư trú tại: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 140.258.267 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu hai trăm năm mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vàng A Chiêu có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

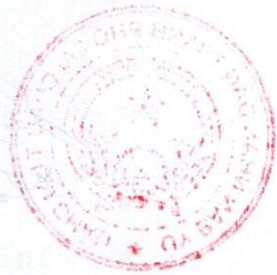
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 2)

Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

Kèm theo Quyết định số: 1685/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hộ ông Vàng A Chiêu (Hiện trạng ông Nguyễn Trọng Thủy đang sử dụng)				
	Địa chỉ: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, Huyện Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				140.258.267
a	Về đất				1.813.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	49,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	49,0	37.000	1.813.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất ông Chiêu đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BM 089416 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 26/12/2013 tên ông Vàng A Chiêu, đất ông Chiêu sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				130.833.267
	<i>Toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Trọng Thủy tạo lập năm 2015, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</i>				
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi				
1	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn nền láng VXM cao 3,6m (5,9*2,4)	m ²	14,2	563.200	7.974.912
2	Cửa cuốn (5,6*3,5)	m ²	19,6	290.400	5.691.840
3	Tấm lợp chống nóng (5,9*4,7)	m ²	27,7	35.000	970.550
4	Kè đá xây (2,2*0,5*4,7)*2	m ³	10	392.700	4.060.518
5	Dây điện sino trần phủ 2*4	m ²	10,0	18.000	180.000
6	Công sắt (3,7*2,6)	m ²	9,6	825.000	7.936.500
7	Tôn quây (0,5*15,2)	m ²	7,6	57.000	433.200
8	Biển quảng cáo (khung sắt bạt dứa 0,7*6,2)	m ²	4,3	200.000	868.000
9	Lưới đen chống nắng (2,5*7,2)	m ²	18,0	5.000	90.000
10	Trụ công xây gạch bi (4,2*0,3*0,3)*2	m ³	0,8	546.700	413.305
11	Trụ công xây gạch bi (0,2*0,3*0,3)	m ³	0,0	546.700	9.841
12	Giằng móng (0,4*0,4*5) tính bằng BTCT	m ²	0,8	1.393.700	1.114.960
13	Cửa cuốn (5,7*3,6)	m ²	20,5	290.400	5.959.008
14	Cửa sắt xếp (6,3*3,5)	m ²	22,1	825.000	18.191.250
15	Nhà khung sắt lợp tôn chống nóng chiều cao từ móng đến xà ngang mái 2,6m (1,0*15,2)	m ²	15,2	486.200	7.390.240
16	Nền BT đá dăm dày 20 cm (15,2*1,0)	m ²	15,2	167.200	2.541.440
17	Tường xây gạch bi tường 12cm (3,2*2,5)	m ²	8,0	127.600	1.020.800
18	Tôn quây (15,2*1,5)	m ²	22,8	57.000	1.299.600
19	Biển quảng cáo (khung sắt bạt dứa 1,6*1,1)	m ²	1,8	200.000	352.000
20	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,5*2,5)	m ²	6,3	127.600	797.500



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
21	Dây điện sino trần phủ 2*4	m	30,0	18.000	540.000
	Phần tài sản nằm trên diện tích đất đã thu hồi				
1	Nền BT đá dăm dày 20 cm (0,7*5,9)	m ²	4,1	167.200	690.536
2	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp tôn nền láng VXM cao 3,6m (5,9*2,3)	m ²	13,6	563.200	7.642.624
3	Bán mái khung sắt lợp tôn (1,8*15,2)	m ²	27,4	334.400	9.149.184
4	Nền BT đá dăm dày 20 cm (2*15,2)	m ²	30,4	167.200	5.082.880
5	Nhà khung sắt lợp tôn chống nóng chiều cao từ móng đến xà ngang mái 2,6m (1,5*15,2)	m ²	22,8	486.200	11.085.360
6	Nền BT đá dăm dày 20 cm (15,2*1,5)	m ²	22,8	167.200	3.812.160
7	Tấm đan BTCT (21*1,7*0,1)	m ²	3,6	1.393.700	4.975.509
8	Nền BT đá dăm dày 10 cm (15,2*2,5)	m ²	38,0	83.600	3.176.800
	Tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được				-
1	Cửa kính hỗ trợ di chuyển (2,75*5,3)	m ²	14,6	145.200	2.116.290
2	Nhà xây gạch đỏ tường 11 bộ trụ 22 cm có kết cấu như mục 2 Quyết định 30/2017 mái lợp tôn chống nóng, nền lát gạch liên doanh không trần, không hiên cao 4,3m (5,9*0,5)	m ²	3,0	1.861.200	5.490.540
3	Nhà khung sắt mái lợp tôn chống nóng chiều cao từ móng đến xà ngang mái 2,6m (15,2*1)	m ²	15,2	486.200	7.390.240
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (15,2*1)	m ²	15,2	83.600	1.270.720
5	Giằng móng (0,4*0,4*2,5)*2	m ²	0,8	1.393.700	1.114.960
c	Về cây cối hoa màu				360.000
1	Chậu cây cảnh	Chậu	15,0	24.000	360.000
d	Về chính sách hỗ trợ				7.252.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ	đồng/ hộ	49,0	148.000	7.252.000

